

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBND huyện Gio Linh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 67/CV-KS ngày 17/8/2023 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị; văn bản giải trình, bổ sung chính sửa báo cáo số 112/CV-KS ngày 14/11/2023 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1098/TTr-PTNMT ngày 24/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị, địa chỉ tại Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy Ilmenite hoàn nguyên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Ilmenite hoàn nguyên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200042669 cấp lần 1 ngày 10/06/2001, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 25/02/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

1.4. Mã số thuế: 320042669.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Dự án có diện tích 38.838 m².

- Công suất: 20.000 tấn sản phẩm/năm.

- Thời gian hoạt động: 50 năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

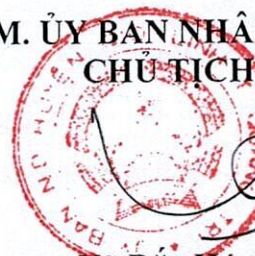
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 05 tháng 12 năm 2023 đến ngày 05 tháng 12 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gio Linh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Cổng Thông tin điện tử huyện Gio Linh;
- BQL Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Đắc Hóa



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2145/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Gio Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt của 35 CBCNV; Lưu lượng lớn nhất 1,6m³/ngày đêm. Trong đó, lượng nước thải đen là 1,12 m³/ngày.đêm và lượng nước thải xám là 0,48 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải đen sau khi được xử lý bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn có vị trí sau nhà văn phòng và xưởng sản xuất sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang.

- Nước thải xám sau khi được xử lý bằng bể tách dầu mỡ sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang.

2.2. Vị trí xả thải:

- Nước thải đen: Tọa độ lần lượt là: X: 1.867.843m; Y: 589.108m và X: 1.867.775m; Y: 589.059m (hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiếu 3°).

- Nước thải xám: Tọa độ X: 1.857.182m; Y: 591.021m (hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:

- Nước thải sinh hoạt: 1,6 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải: tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	TSS	mg/l	120

4	TDS	mg/l	1.200
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải đen được thu ống PVC Ø110 và dẫn qua bể tự hoại 3 ngăn để xử lý, sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang.

- Đối với nước thải xám được thu ống PVC Ø100 và dẫn qua bể tách dầu mỡ để xử lý, sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

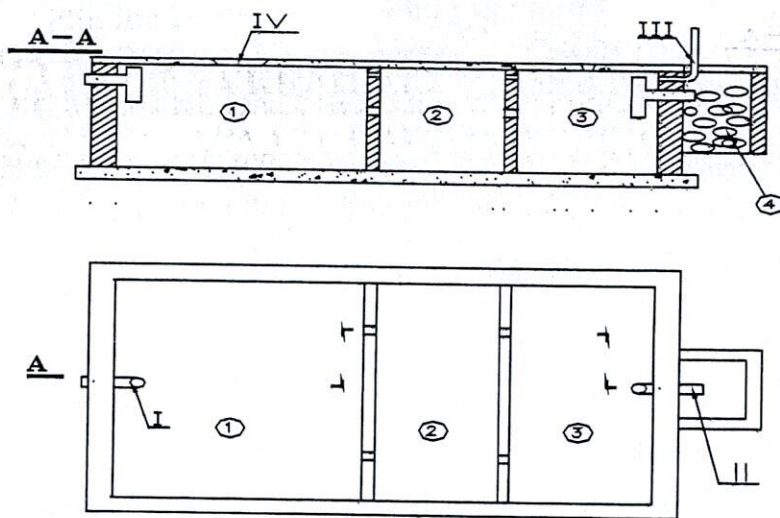
** Nước thải từ nhà ăn*

Để xử lý nước thải từ nhà ăn, chủ cơ sở đã xây dựng bể tách dầu mỡ 2 ngăn có kích thước (D×R×C) = (2×1×1)m để xử lý. Bể được xây dựng sau khu vực nhà ăn, có cấu tạo bằng BTCT, nắp dẹt đan thép. Lượng nước thải sau khi qua bể tách dầu mỡ sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang khi hệ thống này đi vào hoạt động.

** Nước thải từ hoạt động tắm rửa, vệ sinh*

Để xử lý nước thải sinh hoạt của 35 CBCNV, chủ cơ sở đã xây dựng 02 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích mỗi bể là 6m³ ở sau nhà văn phòng và xưởng sản xuất để phục vụ cho quá trình sinh hoạt của CBCNV.

Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn. Mô hình bể tự hoại như sau:



Ghi chú :

I- Ống nước vào

II- Ống nước ra

III- Ống thoát khí

IV- Nắp vệ sinh

1. Ngăn chứa

2. Ngăn lên men

3. Ngăn lắng cặn

4. Ngăn lọc theo ống dẫn ra môi

Hình 1. Mô hình hầm tự hoại

Tổng thể tích bể tự hoại là $3,2 + 4,2 = 7,4 \text{ m}^3$. Hiện tại, chủ cơ sở đã xây dựng hoàn thiện 02 hầm tự hoại có thể tích mỗi bể là 6 m^3 nằm sau nhà văn phòng và xưởng sản xuất. Nước thải được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang sau khi hệ thống này đi vào hoạt động.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.3.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Dự án không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không có công trình xử lý môi trường phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt giới hạn Cột B của QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2) trước khi thải ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 2145/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Gio Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi từ các công đoạn cấp nguyên liệu vào boong ke, hệ thống định lượng tự động, hệ thống định lượng mẻ và đưa nguyên liệu vào bao nung.
- Nguồn số 02: Bụi từ các công đoạn nghiền, sàng, tách, tuyển từ, đãi khí sản phẩm và máy định lượng bao.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ lò nung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 01: Tại ống khói chung từ 02 thiết bị lọc bụi túi vải trong nhà xưởng. Tọa độ: X: 1.867.885m; Y: 589.064m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiếu 3°).
- Nguồn số 02: Tại ống khói của lò tách bụi ngoài nhà xưởng. Tọa độ X: 1.867.916m; Y: 589.025m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiếu 3°).
- Nguồn số 03: Tại ống khói của lò nung. Tọa độ X: 1.867.888m; Y: 589.037m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: Bụi sau khi qua các hệ thống xử lý sẽ thoát ra môi trường với lưu lượng lớn nhất là 10.000m³/h.
- Nguồn số 02: Bụi sau khi qua các hệ thống xử lý sẽ thoát ra môi trường với lưu lượng lớn nhất là 20.000m³/h.
- Nguồn số 03: Khí thải từ lò nung tự động thoát ra môi trường với lưu lượng lớn nhất là 15.000m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Tự thoát ra môi trường không khí.

2.2.2. Chế độ xả thải: xả thải theo ca làm việc.

2.2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($K_p = 1$; $K_v = 1$), cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) Kp=1; Kv=1
1	SO ₂	mg/Nm ³	500
2	NOx (theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
3	CO	mg/Nm ³	1000
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	200

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ công đoạn cấp nguyên liệu vào boong ke, hệ thống định lượng tự động, hệ thống định lượng mẻ và đưa nguyên liệu vào bao nung được hệ thống chụp hút đẩy vào 2 thiết bị lọc bụi bằng túi vải.

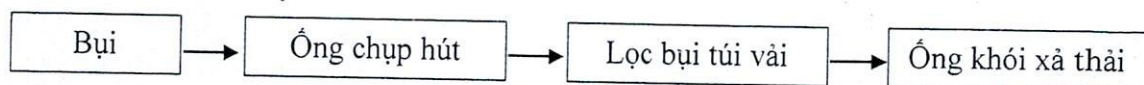
- Bụi từ các công đoạn nghiền, sàng, tách, tuyển từ, đãi khí sản phẩm và máy định lượng bao được chụp hút và dẫn vào 02 cyclone đặt tại trong nhà xưởng.

- Khí sinh ra tại lò nung dưới lực hút của quạt ly tâm đã hút dòng khí thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

** Bụi từ các công đoạn cấp nguyên liệu vào boong ke, hệ thống định lượng tự động, hệ thống định lượng mẻ và đưa nguyên liệu vào bao nung.*

- Quy trình xử lý:



Hình 2. Quy trình xử lý bụi bằng 02 thiết bị lọc bụi túi vải trong nhà xưởng

Thuyết minh quy trình:

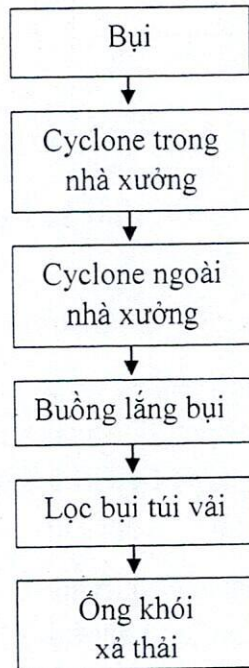
+ Bụi phát sinh từ công đoạn cấp nguyên liệu vào boong ke, hệ thống định lượng tự động, hệ thống định lượng mẻ và đưa nguyên liệu vào bao nung được hệ thống chụp hút đẩy vào 2 thiết bị lọc bụi bằng túi vải. Thiết bị có diện tích 20m², chiều cao 2m, gồm nhiều ống tay áo có đường kính 125 - 300 mm.

+ Dòng khí lẫn bụi sau khi được thu bằng các ống chụp hút dẫn vào cửa của thiết bị lọc bụi túi vải, do tốc độ của dòng khí giảm đột ngột (diện tích mở rộng) nên phần lớn hạt bụi mất vận tốc và rơi trực tiếp xuống phễu. Khí với bụi còn lại đi vào tầng buồng riêng biệt chứa đựng túi lọc và đi lên giữa các túi. Bụi được giữ lại trên bề mặt bên ngoài của túi lọc

do lực hút tĩnh điện giữa các hạt bụi; chỉ khí sạch được xuyên qua lớp vải lọc và đi ra phần đỉnh ở bên trên tâm dạng ống. Dưới lực đẩy của quạt ly tâm sẽ đẩy khí sạch ra ngoài môi trường bằng ống khói $D=0,5m$ với lưu lượng lớn nhất là $Q=10.000m^3/h$.

** Bụi từ các công đoạn nghiền, sàng, tách, tuyển từ, đãi khí sản phẩm và máy định lượng bao*

- Quy trình xử lý:



Hình 3. Quy trình xử lý của lò tách bụi ngoài nhà xưởng

Thuyết minh quy trình:

+ Bụi từ các công đoạn nghiền, sàng, tách, tuyển từ, đãi khí sản phẩm và máy định lượng bao được chụp hút và dẫn vào 02 cyclone đặt tại trong nhà xưởng.

Cyclone có dạng hình trụ ở phía trên và nhỏ dần theo dạng hình chóp ở phía dưới. Khí lẫn bụi được thổi vào cyclone với vận tốc khoảng $17÷25 m/s$ theo hướng tiếp tuyến với hình trụ để tạo dòng khí xoáy với lực ly tâm rất lớn làm cho các hạt bụi va đập vào thành thiết bị và dần di chuyển xuống phía dưới. Phía dưới là một đáy hình nón và một phễu để thu bụi. Dòng khí có chứa bụi (được sự trợ giúp của quạt) chuyển động xoáy trong vỏ hình trụ và chuyển động dần xuống tới phần hình nón có đường kính giảm dần làm cho hạt bụi bị văng ra khỏi dòng khí, va chạm vào vách cyclone và cuối cùng rơi xuống phễu thu bụi đưa đến để sử dụng lại cho quá trình sản xuất. Khí chứa bụi sau khi qua hệ thống cyclone khô chỉ loại được các hạt bụi có kích thước lớn (hạt bụi có kích thước $< 4\mu m$).

+ Lượng không khí sau khi tách bụi được dẫn ra cyclone ngoài nhà xưởng theo phương tiếp tuyến với ống trụ và chuyển động xoáy tròn đi xuống phía dưới. Khi dòng khí và bụi chuyển động theo quỹ đạo tròn (dòng xoáy) thì các hạt bụi có trọng lượng lớn hơn các phân tử khí sẽ chịu tác dụng của lực ly tâm văng ra xa trục và va vào thành. Khi bụi chạm thành, nó sẽ bị mất quán tính và rơi xuống phễu chứa bụi và được tái sử dụng lại cho

quá trình sản xuất.

+ Lượng không khí còn lại sau khi qua cyclone sẽ dẫn đến buồng lắng bụi là một không gian hình hộp có tiết diện ngang lớn hơn nhiều lần so với tiết diện của đường ống dẫn khí vào để vận tốc dòng khí giảm xuống rất nhỏ. Nhờ vậy hạt bụi đủ thời gian để rơi xuống chạm đáy dưới tác dụng của trọng lực và bị giữ lại tại đó mà không bị dòng khí mang theo.

+ Sau đó, dòng khí được dẫn qua thiết bị lọc bụi bằng túi vải. Thiết bị gồm nhiều ống tay áo có đường kính 125 - 300 mm, những hạt bụi thô được hút vào buồng lọc qua các cửa hút. Tại đây khí và các hạt sẽ bị giảm vận tốc dẫn tới các hạt tỷ trọng lớn sẽ rơi xuống dưới và đi ra ngoài. Các hạt bụi nhỏ hơn sẽ bám lại trên bề mặt của túi lọc. Sau đó, hệ thống sẽ thực hiện rung giữ bụi để làm sạch túi lọc. Các hạt bụi bám trên bề mặt túi rơi xuống dưới và đưa ra ngoài qua thiết bị. Khí sạch được đi qua túi lọc và dưới tác dụng lực đẩy của quạt ly tâm đã đẩy dòng khí ra môi trường với lưu lượng lớn nhất $Q = 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$. Khí sạch thoát ra môi trường bằng ống khói có chiều cao 6m.

*** Bụi, khí thải từ lò nung**

- Nguyên liệu được đưa vào bao nung và dẫn vào lò nung, khi đủ khối lượng thì tiến hành nung lò.

- Hiện tại, nhà máy sử dụng công nghệ lò khí hóa than để biến nhiên liệu than thành nhiên liệu khí cung cấp cho lò nung. Các khí độc như SO_2 , NO_x , bụi sẽ được đập và hấp thụ tại các tháp rửa, bộ tách hắc ín tại lò khí hóa than. Vì vậy, khí sinh ra tại lò nung đảm bảo lợi ích lớn về mặt môi trường, nhờ khả năng làm sạch đến 99% các tạp chất gây ô nhiễm trong khí than.

- Khí sinh ra tại lò nung dưới lực hút của quạt ly tâm đã hút dòng khí thoát ra môi trường với lưu lượng lớn nhất $Q = 15.000 \text{ m}^3/\text{h}$. Khí thoát ra bằng ống khói có chiều cao 7m và $D = 0,9\text{m}$.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.3.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả khí thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động liên tục.

1.3.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

a. Quan trắc khí thải

- Vị trí giám sát:

+ Vị trí 01: Tại ống khói chung từ 02 thiết bị lọc bụi túi vải trong nhà xưởng.

+ Vị trí 02: Tại ống khói của lò tách bụi ngoài nhà xưởng.

- + Vị trí 03: Tại ống khói của lò nung.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát:
- + Đối với vị trí 01 và vị trí 02: Bụi tổng.
- + Đối với vị trí 03: Bụi tổng, NO₂, CO và SO₂.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Cột B; Kp=1, Kv=1 QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

b. Quan trắc không khí làm việc

- Vị trí quan trắc: Không khí tại khu vực sản xuất trong nhà máy.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Các thông số vi khí hậu, bụi, tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Cơ sở có các công trình xử lý khí thải thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở như sau:

TT	Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Cụm thiết bị lọc bụi bằng túi vải	ngày 1/12/2023	ngày 3/12/2023	10.000m ³ /h
2	Hệ thống lò tách bụi	ngày 1/12/2023	ngày 3/12/2023	20.000m ³ /h.
3	Hệ thống lò nung	ngày 1/12/2023	ngày 3/12/2025	15.000m ³ /h.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Vị trí quan trắc:
- + Vị trí 01: Tại ống khói chung từ 02 thiết bị lọc bụi túi vải trong nhà xưởng.
- + Vị trí 02: Tại ống khói của lò tách bụi ngoài nhà xưởng.
- + Vị trí 03: Tại ống khói của lò nung.
- Loại mẫu: mẫu đơn.
- Thông số quan trắc:
- + Đối với vị trí 01 và vị trí 02: Bụi tổng.
- + Đối với vị trí 03: Bụi tổng, NO₂, CO và SO₂.

- Tần suất quan trắc:

+ Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

- Chủ cơ sở dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn để thực hiện là Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Khí thải sau xử lý đạt giới hạn Cột B của QCVN 19:2009/BTNMT ($K_p=1$, $K_v=1$) trước khi thải ra môi trường.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2445/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023
của UBND huyện Gio Linh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Trong quá trình sản xuất, chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu bao gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hư hỏng, mực in từ hoạt động văn phòng với khối lượng phát sinh trung bình khoảng 4kg/tháng.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bao nung vỡ: Bao nung được đúc bằng vật liệu chịu lửa cần 70% cát sạn và sau thời gian sử dụng 3 tháng bao nung sẽ vỡ và thay thế bằng bao nung khác. Khối lượng bao nung vỡ thải ra khoảng 0,3 tấn/6 tháng.

- Quặng thu được từ các cyclone xử lý và công đoạn sàng, tách, tuyển từ, đãi khí với khối lượng khoảng 0,2 tấn/ngày.

- Bùn lắng sau khi nạo vét ở bể tuần hoàn nước tại lò khí hóa than với khối lượng khoảng 0,5 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 35 CBCNV tại nhà máy và hoạt động từ nhà văn phòng. Lượng CTR chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, giấy vụn, túi nilon, chai, lọ với khối lượng thực tế khoảng 5kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

CTNH phát sinh sẽ được thu gom vào thùng chứa 120L có nắp đậy, dán nhãn phân loại sau đó được lưu giữ tại kho CTNH với diện tích 34m² nằm ở góc phía Tây của nhà máy. Công ty đã ký hợp đồng với công ty cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama Quảng Ngãi về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý CTNH với tần suất tối thiểu là 01 lần/năm

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bao nung vỡ được tái sử dụng đúc lại bao nung mới hoặc bán cho các đơn vị tư nhân đúc gạch block phục vụ xây dựng, quá trình tuần hoàn như vậy được tiếp tục để hạn chế thấp nhất phát thải chất thải rắn.

- Quặng thu được từ các cyclone xử lý và công đoạn sàng, tách, tuyển từ, đãi khí được tái sử dụng cho quá trình sản xuất hoặc bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng.

- Bùn lắng sau khi nạo vét ở bể tuần hoàn nước tại lò khí hóa than được thu gom và

phủ bạt che đậy kỹ càng. Sau đó vận chuyển về mỏ tian tại xã Vĩnh Tú, Vĩnh Thái để hoàn thổ mặt bằng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Hiện tại cơ sở đã bố trí 3 thùng chứa rác 60L đặt tại khu nhà ăn, nhà làm việc, sau đó hợp đồng với Đội vệ sinh môi trường xã Gio Quang thu gom, mang đi xử lý với tần suất 02 ngày/lần.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

Dự án sẽ bố trí nhân viên thay phiên nhau quét dọn, thu gom rác thải hàng ngày. Toàn bộ lượng rác thu gom, lưu giữ trong thùng rác, bố trí gần khu vực văn phòng và tại nhà xưởng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa sự cố cháy, nổ

- Cơ sở đã có Giấy xác nhận nghiệm thu về Phòng cháy chữa cháy công trình nhà máy Ilmenite hoàn nguyên và Nhà máy nâng cao chất lượng và nghiền Zircon siêu mịn số 589/NT-PCCC do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04 tháng 08 năm 2016.

- Hiện tại, trong nhà máy đã bố trí 25 bình chữa cháy xách tay loại MFZ24, 1 họng chữa cháy vách tường, 1 trụ nước chữa cháy, 3 tiêu lệnh PCCC bố trí tại cổng bảo vệ, nhà kho nguyên liệu, xưởng sản xuất, , kho sản phẩm.

- Nhằm đảm bảo an toàn PCCC, người đứng đầu Công ty đã quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các nội dung sau:

+ Ban hành, niêm yết nội quy PCCC tại các phòng, nhà máy, bộ phận. Đồng thời thành lập các đoàn kiểm tra thường xuyên, đôn đốc CBCNV thực hiện nghiêm chỉnh nội quy PCCC.

+ Tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức chấp hành các quy định về PCCC đến từng CBCNV. Đồng thời thường xuyên lồng ghép việc tuyên truyền, nhắc nhở thực hiện tốt công tác PCCC thông qua các buổi họp giao ban hàng tuần, hàng tháng, triển khai công việc tại đơn vị.

+ Hệ thống dụng cụ, thiết bị PCCC được kiểm tra thường xuyên, qua đó Công ty đã kịp thời mua bổ sung, thay thế những thiết bị đã bị hỏng nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

+ Hệ thống giao thông phục vụ chữa cháy luôn đảm bảo thông thoáng, nước, cát, bình khí chữa cháy được dự trữ luôn đầy đủ số lượng bố trí trong nhà máy theo thiết kế và quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn PCCC.

+ Hàng hóa sắp xếp gọn gàng, không cản trở thoát nạn, thuận tiện cho việc di chuyển ra ngoài và chữa cháy, đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy, chữa cháy và ngăn cháy.

+ Thành lập lực lượng PCCC của Nhà máy, tổ chức huấn luyện cho lực lượng PCCC và CBCNV theo đúng quy định. Đồng thời, tổ chức triển khai hướng dẫn quy

trình, cách sử dụng phương tiện PCCC tại Nhà máy cho từng CBCNV.

+ Cán bộ phụ trách Nhà máy cũng thường xuyên nhắc nhở công tác PCCC cho CBCNV trong toàn đơn vị trong các buổi họp giao ban hàng tuần, hàng tháng và chấp hành theo quy định của Luật PCCC.

+ Tổ chức hướng dẫn cho CBCNV sử dụng ứng dụng “Báo cháy 114” trên điện thoại di động Smartphone và theo dõi, quan tâm các thông tin của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH trên các phương tiện truyền thông.

+ Được sự hướng dẫn của các cơ quan chức năng cộng với việc tổ chức phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến từng người lao động công tác PCCC của đơn vị nên trong 10 năm qua tại Nhà máy không có sự cố cháy nổ nào xảy ra.

2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông

Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh Chủ cơ sở sẽ thực hiện tốt các công tác đảm bảo an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe như sau:

- Chủ cơ sở đã thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu các chất ô nhiễm, tiếng ồn, khí thải phát sinh góp phần làm giảm thiểu tác động đến sức khỏe của CBCNV và người dân xung quanh.

- Thực hiện tốt các nội quy, quy định về an toàn lao động, cụ thể như sau:

+ Tổ chức các lớp tập huấn. Nâng cao tay nghề cho CBCNV, tập huấn về an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong cơ sở theo quy định hiện hành.

+ Thực hiện tốt các biện pháp an toàn lao động đối với thiết bị dùng điện, kho chứa nhiên liệu.

+ Thực hiện các quy định phòng chống cháy nổ theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

+ Kiểm tra đầy đủ công tác vệ sinh an toàn thực phẩm theo đúng quy định của Bộ Y tế.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân phù hợp với từng vị trí, điều kiện làm việc theo quy định.

+ Xây dựng nhà xưởng rộng rãi, cao ráo tạo nên không khí thoáng mát tại xưởng làm việc.

+ Các phương tiện cá nhân của CBCNV, xe chuyên chở nguyên vật liệu sản phẩm ra vào phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, tuyệt đối chấp hành Luật giao thông đường bộ hiện hành.

3. Biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố thiên tai

Để phòng chống các thiệt hại do thiên tai, mưa bão gây ra Chủ Cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh.

- Trước khi có bão lũ xảy ra, Chủ cơ sở sẽ thông báo kịp thời và có những phương án ứng cứu các sự cố khác có thể xảy ra đồng thời như cháy nổ.

- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục trước và sau khi sự cố xảy ra.

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống thu gom thoát nước thải, xử lý nước thải

Để hệ thống thu gom nước thải hoạt động ổn định và hạn chế sự cố hư hỏng, Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng hệ thống đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo công suất xử lý.
- Thường xuyên bố trí cán bộ kiểm tra và vệ sinh tuyến thoát nước, thu gom rác thải tránh hiện tượng tắc nghẽn hệ thống và hạn chế tối đa sự cố như rò rỉ nước thải.
- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ cho các máy móc thiết bị, bảo dưỡng các bể xử lý như tiến hành quét hồ chống thấm để đảm bảo cho hệ thống được sạch sẽ, ngăn nắp.
- Tiến hành nạo vét lượng bùn thải để đảm bảo hệ thống được hoạt động ổn định và có hiệu quả.

5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố lò khí hóa than

Để lò khí hóa than được hoạt động ổn định và hạn chế sự cố cháy nổ, hư hỏng, Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí cán bộ có chuyên môn kỹ thuật, có bằng cấp để vận hành lò khí hóa than và trực ca trong suốt quá trình lò hoạt động.
- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong lò. Kiểm tra các thiết bị đo nước, áp suất, van an toàn, van nước, các ống thoát đảm bảo tính an toàn và ổn định.
- Thường xuyên kiểm tra vỏ nước, nếu ít nước hoặc thiếu nước trong thời gian dài cần phải dừng hoạt động của lò, tắt lửa để xử lý.

6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

** Biện pháp duy tu, bảo dưỡng, thay thế các hệ thống lọc bụi*

- Người quản lý cần nắm rõ nguyên lý, hiệu suất và điều kiện hoạt động của các thiết bị xử lý bụi, đồng thời nắm vững các phương pháp điều chỉnh và bảo dưỡng thiết bị.
- Các túi lọc bụi phải được gắn chặt chẽ, kiểm tra thường xuyên bộ lọc và vệ sinh sạch sẽ đảm bảo thông thoáng cho đường đi của không khí. Nếu phát hiện ra bị cũ và hư hỏng cần thay thế kịp thời.
- Thường xuyên tra dầu mỡ ổ bi, vệ sinh van giữ bụi, túi lọc bụi, kiểm tra các khớp nối.
- Vỏ và các bộ phận khác sẽ được thay thế kịp thời nếu phát hiện có hư hỏng.

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email

Đã gửi qua email